

QUY CHẾ

**Về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố
thuộc các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Ninh Bình**
(Ban hành kèm theo Quyết định số /2019/QĐ-UBND ngày tháng 10 năm 2019
của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình)

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi và đối tượng điều chỉnh

Quy chế này quy định về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố; thành lập, sáp nhập, giải thể, đổi tên thôn, tổ dân phố và ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có liên kề; điều kiện, tiêu chuẩn, nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố; quy trình bầu cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố.

Quy chế này được áp dụng đối với thôn, tổ dân phố thuộc các đơn vị hành chính xã, phường, thị trấn (gọi chung là cấp xã) trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Điều 2. Thôn, tổ dân phố

Thôn, tổ dân phố là tổ chức tự quản của cộng đồng dân cư theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 14/2018/TT-BNV ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố. Thống nhất giữ nguyên hình thức tổ chức của các khu dân cư hiện có trên địa bàn tỉnh như: Thôn, xóm, bản thuộc các xã (gọi chung là thôn); tổ dân phố, khối phố thuộc phường, thị trấn (gọi chung là tổ dân phố); trừ các thôn, tổ dân phố phải thực hiện việc sắp xếp, sáp nhập theo quy định.

**Chương II
TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG CỦA THÔN, TỔ DÂN PHỐ**

Điều 3. Nguyên tắc chung về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố

1. Bảo đảm tính tự quản của cộng đồng dân cư, chấp hành sự quản lý nhà nước trực tiếp của chính quyền cấp xã và sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng.
2. Tuân thủ đúng pháp luật, thực hiện theo hương ước (quy ước) và đảm bảo dân chủ, công khai, minh bạch.
3. Không chia tách các thôn, tổ dân phố hiện đang hoạt động ổn định để thành lập thôn mới, tổ dân phố mới (trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 7 Quy chế này).

4. Những người do thay đổi nơi ở, chuyển đến cư trú tại địa bàn của thôn, tổ dân phố mới, phải có trách nhiệm đăng ký sinh hoạt tại cộng đồng dân cư và chịu sự quản lý của thôn, tổ dân phố nơi chuyển đến và được thực hiện các quyền, nghĩa vụ công dân tại nơi cư trú mới.

Điều 4. Tổ chức của thôn, tổ dân phố

1. Mỗi thôn có 01 Trưởng thôn; mỗi tổ dân phố có 01 Tổ trưởng tổ dân phố. Trường hợp cần thiết thì có thêm 01 Phó Trưởng thôn hoặc 01 Phó Tổ trưởng tổ dân phố giúp việc cho Trưởng thôn và Tổ trưởng tổ dân phố.

2. Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố do Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố lựa chọn sau khi thống nhất với Trưởng Ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố; Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định công nhận Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố.

Điều 5. Nội dung hoạt động của thôn, tổ dân phố

1. Cộng đồng dân cư ở thôn, tổ dân phố bàn, quyết định chủ trương và mức đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng, các công trình phúc lợi công cộng (gồm cả việc xây dựng nông thôn mới) trong phạm vi cấp xã và ở thôn, tổ dân phố do nhân dân đóng góp toàn bộ hoặc một phần kinh phí và các công việc tự quản trong nội bộ cộng đồng dân cư, đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Cộng đồng dân cư ở thôn, tổ dân phố tham gia bàn và biểu quyết đề cấp có thẩm quyền quyết định; tham gia ý kiến trước khi cơ quan có thẩm quyền quyết định về các công việc của thôn, tổ dân phố và của cấp xã theo quy định của Pháp lệnh Thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn.

3. Xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước của thôn, tổ dân phố; tham gia tự quản trong việc giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn xã hội và vệ sinh môi trường; giữ gìn và phát huy truyền thống văn hóa tốt đẹp ở địa phương, phòng, chống các tệ nạn xã hội.

4. Thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của nhà nước; tham gia, hưởng ứng các phong trào, cuộc vận động do Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội phát động.

5. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố.

6. Các nội dung hoạt động của thôn, tổ dân phố theo quy định tại Điều này được thực hiện thông qua hội nghị của thôn, tổ dân phố.

Điều 6. Hội nghị của thôn, tổ dân phố

1. Hội nghị thôn, tổ dân phố được tổ chức mỗi năm 02 lần (thời gian vào giữa năm và cuối năm), khi cần thiết có thể tổ chức hội nghị bất thường.

2. Thành phần hội nghị gồm toàn thể cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố. Hội nghị do Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố triệu tập và chủ trì. Hội nghị được tiến hành khi có trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố tham dự.

3. Việc tổ chức để nhân dân bàn và quyết định trực tiếp hoặc biểu quyết đề cấp có thẩm quyền quyết định được thực hiện theo quy định tại các Điều 1, 2, 3, 4, 5 của Hướng dẫn ban hành kèm theo Nghị quyết liên tịch số 09/2008/NQLT-CP-UBTWMTTQVN ngày 17 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ và Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hướng dẫn thi hành các Điều 11, 14, 16, 22, 26 của Pháp lệnh Thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn.

Chương III

THÀNH LẬP, SÁP NHẬP, GIẢI THỂ, ĐỔI TÊN THÔN, TỔ DÂN PHỐ VÀ GHÉP CỤM DÂN CƯ VÀO THÔN, TỔ DÂN PHỐ HIỆN CÓ LIÊN KỀ

Điều 7. Điều kiện thành lập thôn mới, tổ dân phố mới

1. Trong trường hợp do yêu cầu phải thành lập thôn mới, tổ dân phố mới để thuận lợi cho công tác quản lý của chính quyền cấp xã thì việc thành lập thôn mới, tổ dân phố mới phải đảm bảo các điều kiện sau:

a) Về quy mô số hộ gia đình: Phải có từ 300 hộ gia đình trở lên đối với thôn ở xã và phải có từ 350 hộ gia đình trở lên đối với tổ dân phố ở phường và thị trấn.

b) Về các điều kiện khác: Cần có cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương để phục vụ hoạt động cộng đồng và bảo đảm ổn định cuộc sống của người dân.

c) Tên của thôn, tổ dân phố khi thành lập mới không được trùng với tên của thôn, tổ dân phố hiện có trong cùng một đơn vị hành chính cấp xã.

2. Đối với các trường hợp đặc thù

a) Thôn, tổ dân phố nằm trong quy hoạch giải phóng mặt bằng, quy hoạch dân dân, tái định cư, do di dân ở miền núi, vùng cao, do nằm biệt lập trên các cồn, bãi trên sông hoặc nơi có địa hình bị chia cắt phức tạp, địa bàn rộng, giao thông đi lại khó khăn thì điều kiện thành lập thôn mới, tổ dân phố mới về quy mô số hộ gia đình có thể thấp hơn quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 7 của Quy chế này, nhưng tối thiểu phải có từ 50 hộ gia đình trở lên đối với thôn và phải có từ 100 hộ gia đình trở lên đối với tổ dân phố.

b) Trường hợp ở khu vực biên giới biển, ở cồn đảo cách xa đất liền do việc di dân hoặc để bảo vệ đường biên giới, chủ quyền biển đảo thì việc thành lập thôn, tổ dân phố không áp dụng quy định về quy mô số hộ gia đình nêu tại Điểm a Khoản 1 Điều 7 của Quy chế này.

c) Thôn, tổ dân phố đã hình thành từ lâu do xâm canh, xâm cư cần thiết phải chuyển giao quản lý giữa các đơn vị hành chính cấp xã để thuận tiện trong hoạt động và sinh hoạt của cộng đồng dân cư mà không làm thay đổi đường địa giới hành chính cấp xã thì thực hiện giải thể và thành lập mới thôn, tổ dân phố theo quy định. Trường hợp không đạt quy mô về số hộ gia đình thì thực hiện việc ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có liên kề theo quy định tại Điều 11 của Quy chế này.

d) Trường hợp được cấp có thẩm quyền quyết định điều chỉnh mở rộng địa giới hành chính của các phường, thị trấn hoặc thành lập phường, thị trấn mới trên cơ sở nâng cấp từ xã thì thực hiện việc điều chỉnh, sắp xếp hoặc chuyển nguyên vẹn các thôn hiện có của xã cũ thành các tổ dân phố thuộc phường mới, thị trấn mới đảm bảo phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Điều 8. Điều kiện sáp nhập, giải thể, đổi tên thôn, tổ dân phố

1. Trường hợp sáp nhập thôn, tổ dân phố

a) Đối với các thôn, tổ dân phố có quy mô số hộ gia đình dưới 50% quy mô số hộ gia đình quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 7 của Quy chế này thì phải sáp nhập với thôn, tổ dân phố liền kề.

b) Đối với các thôn, tổ dân phố có từ 50% quy mô số hộ gia đình trở lên theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 7 của Quy chế này ở những nơi có đủ điều kiện thì thực hiện việc sáp nhập.

c) Đối với những thôn, tổ dân phố có các điều kiện thấp hơn quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 7 của Quy chế này nhưng do điều kiện đặc thù và các yếu tố khác, không đảm bảo cho việc sáp nhập thì tiếp tục hoạt động bình thường.

d) Thực hiện việc sắp xếp, sáp nhập các thôn, tổ dân phố không đảm bảo đủ tiêu chuẩn quy định, phù hợp với điều kiện, đặc điểm của từng địa phương. Ủy ban nhân dân cấp xã, cấp huyện xây dựng đề án và hoàn chỉnh hồ sơ về việc sắp xếp, sáp nhập thôn, tổ dân phố theo đúng quy định, gửi Sở Nội vụ thẩm định đề trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

đ) Tên của thôn, tổ dân phố khi thực hiện việc sáp nhập không được trùng với tên của thôn, tổ dân phố hiện có trong cùng một đơn vị hành chính cấp xã.

2. Trường hợp giải thể thôn, tổ dân phố do nhà nước thu hồi đất để giải phóng mặt bằng hoặc do sắp xếp, ổn định dân cư và các trường hợp khác được cấp có thẩm quyền quyết định thì việc di dân, bố trí dân cư và giải quyết các vấn đề liên quan khác được thực hiện theo Phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư hoặc Đề án sắp xếp, ổn định dân cư đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Trong trường hợp cộng đồng dân cư mới hình thành không đủ điều kiện thành lập thôn mới, tổ dân phố mới thì ghép vào thôn, tổ dân phố hiện có liền kề (quy trình và hồ sơ ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có liền kề theo Điều 11 của Quy chế này) để đảm bảo thuận lợi trong công tác quản lý của chính quyền địa phương và các hoạt động của cộng đồng dân cư mới.

4. Việc đổi tên thôn, tổ dân phố được thực hiện theo nguyện vọng của nhân dân sinh sống tại thôn, tổ dân phố. Ủy ban nhân dân cấp xã, cấp huyện xây dựng đề án và hoàn chỉnh hồ sơ về việc đổi tên thôn, tổ dân phố theo quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều 10 của Quy chế này.

Điều 9. Quy trình và hồ sơ thành lập thôn mới, tổ dân phố mới

1. Căn cứ nguyên tắc về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố quy định tại Điều 3 và điều kiện thành lập thôn mới, tổ dân phố mới quy định tại Điều 7

của Quy chế này, cùng với yêu cầu thực tiễn trong công tác quản lý nhà nước ở địa phương, Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo để Ủy ban nhân dân cấp huyện trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cho chủ trương thành lập thôn mới, tổ dân phố mới.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chủ trương thành lập thôn mới, tổ dân phố mới; chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện giao Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng Đề án thành lập thôn mới, tổ dân phố mới. Nội dung chủ yếu của Đề án bao gồm:

a) Sự cần thiết thành lập thôn mới, tổ dân phố mới.

b) Tên gọi của thôn mới, tổ dân phố mới.

c) Dân số (số hộ gia đình, số nhân khẩu) của thôn mới, tổ dân phố mới (đảm bảo theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 7 của Quy chế này).

d) Các điều kiện khác theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 7 của Quy chế này.

đ) Đề xuất, kiến nghị.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức Hội nghị lấy ý kiến của toàn thể cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong khu vực đề nghị thành lập thôn mới, tổ dân phố mới về nội dung Đề án; tổng hợp các ý kiến của cử tri và lập thành biên bản lấy ý kiến về Đề án thành lập thôn mới, tổ dân phố mới.

4. Đề án thành lập thôn mới, tổ dân phố mới nếu được trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong khu vực thành lập thôn mới, tổ dân phố mới tán thành thì Ủy ban nhân dân cấp xã hoàn chỉnh hồ sơ (kèm theo biên bản lấy ý kiến) trình Hội đồng nhân dân cấp xã thông qua tại kỳ họp gần nhất. Trong thời hạn mười ngày làm việc kể từ ngày có Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp xã hoàn chỉnh hồ sơ, thủ tục pháp lý để trình Ủy ban nhân dân cấp huyện.

5. Trong thời hạn mười lăm ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ do Ủy ban nhân dân cấp xã chuyển đến, Ủy ban nhân dân cấp huyện kiểm tra, hoàn chỉnh hồ sơ, thủ tục pháp lý và có Tờ trình (kèm theo hồ sơ thành lập thôn mới, tổ dân phố mới của Ủy ban nhân dân cấp xã) gửi Sở Nội vụ thẩm định kết quả để trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét trình Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất. Thời hạn thẩm định của Sở Nội vụ không quá mười lăm ngày làm việc kể từ ngày nhận được Tờ trình và hồ sơ hợp lệ của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

6. Hồ sơ trình Ủy ban nhân dân tỉnh bao gồm

a) Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp huyện (kèm theo Tờ trình và hồ sơ thành lập thôn mới, tổ dân phố mới của Ủy ban nhân dân cấp xã trình Ủy ban nhân dân cấp huyện theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3, Khoản 4 của Điều này).

b) Báo cáo thẩm định của Sở Nội vụ.

7. Căn cứ hồ sơ trình của Ủy ban nhân dân cấp huyện và báo cáo kết quả thẩm định của Sở Nội vụ, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét ban hành Nghị quyết về việc thành lập thôn mới, tổ dân phố mới.

8. Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thực hiện Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thành lập thôn mới, tổ dân

phố mới; kiện toàn sắp xếp tổ chức và hoạt động của thôn mới, tổ dân phố mới theo quy định; tổng hợp kết quả báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ).

Điều 10. Quy trình, hồ sơ sáp nhập, giải thể và đặt tên, đổi tên thôn, tổ dân phố

1. Quy trình và hồ sơ sáp nhập thôn, tổ dân phố được áp dụng thực hiện như quy trình và hồ sơ thành lập thôn mới, tổ dân phố mới quy định tại Điều 9 của Quy chế này.

2. Chuyển thôn thành tổ dân phố trong trường hợp thành lập phường, thị trấn từ đơn vị hành chính xã: Căn cứ Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc thành lập phường, thị trấn từ đơn vị hành chính xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chuyển thôn thành tổ dân phố thuộc phường, thị trấn.

3. Đối với trường hợp giải thể thôn, tổ dân phố

Sau khi thực hiện Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư hoặc Đề án sắp xếp, ổn định dân cư và các trường hợp khác được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Ủy ban nhân dân tỉnh lập Tờ trình kèm theo Danh sách các hộ gia đình thuộc thôn, tổ dân phố liên quan trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định giải thể thôn, tổ dân phố.

4. Việc đặt tên, đổi tên thôn, tổ dân phố

a) Việc đặt tên thôn, tổ dân phố được thực hiện trong quy trình lập hồ sơ thành lập thôn mới, tổ dân phố mới và sáp nhập thôn, tổ dân phố.

b) Việc đổi tên thôn, tổ dân phố thực hiện theo các bước như sau:

Ủy ban nhân dân cấp xã lập hồ sơ gồm: Tờ trình và Phương án đổi tên thôn, tổ dân phố (phương án cần nêu rõ lý do của việc đổi tên thôn, tổ dân phố; tên của thôn, tổ dân phố sau khi đổi tên...) và tổ chức lấy ý kiến của toàn thể cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố về phương án đổi tên thôn, tổ dân phố; tổng hợp các ý kiến và lập thành biên bản lấy ý kiến.

Phương án đổi tên thôn, tổ dân phố nếu được trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình tán thành thì Ủy ban nhân dân cấp xã hoàn thiện hồ sơ trình Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua Phương án đổi tên thôn, tổ dân phố; trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có Nghị quyết Hội đồng nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp xã hoàn chỉnh hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ do Ủy ban nhân dân cấp xã chuyển đến, Ủy ban nhân dân cấp huyện có Tờ trình kèm theo hồ sơ gửi Sở Nội vụ thẩm định.

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ do Ủy ban nhân dân cấp huyện chuyển đến, Sở Nội vụ thẩm định, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét đề trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết về việc đổi tên thôn, tổ dân phố.

Điều 11. Quy trình và hồ sơ ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có liền kề

1. Đối với trường hợp ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có liền kề theo quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 7 của Quy chế này thì sau khi có quyết định về chủ trương của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng Đề án ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có liền kề. Nội dung chủ yếu của Đề án gồm:

- a) Sự cần thiết ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có liền kề.
- b) Dân số (số hộ gia đình, số nhân khẩu) của thôn, tổ dân phố sau khi ghép.
- c) Đề xuất, kiến nghị.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức lấy ý kiến của toàn thể cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong khu vực thực hiện ghép cụm dân cư (bao gồm cụm dân cư và thôn, tổ dân phố hiện có liền kề) về nội dung Đề án; tổng hợp các ý kiến và lập thành biên bản lấy ý kiến của cử tri về Đề án ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có liền kề.

3. Đề án ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có liền kề nếu được trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong khu vực thực hiện ghép cụm dân cư tán thành thì Ủy ban nhân dân cấp xã hoàn chỉnh hồ sơ (kèm theo biên bản lấy ý kiến) trình Hội đồng nhân dân cấp xã thông qua tại kỳ họp gần nhất. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày có Nghị quyết của hội đồng nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp xã hoàn chỉnh hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Trường hợp Đề án chưa được trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong khu vực thực hiện ghép cụm dân cư tán thành thì Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức lấy ý kiến lần thứ hai; nếu vẫn không được trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình tán thành thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có biên bản lấy ý kiến lần thứ hai, Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định.

4. Hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp huyện gồm:

- a) Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp xã.
- b) Hồ sơ ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có liền kề của Ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 và Khoản 3 của Điều này.

5. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ do Ủy ban nhân dân cấp xã chuyển đến, Phòng Nội vụ cấp huyện có trách nhiệm thẩm định kết quả để báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Căn cứ vào hồ sơ trình của Ủy ban nhân dân cấp xã và báo cáo kết quả thẩm định của Phòng Nội vụ cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm xem xét, thông qua và giao cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành quyết định việc ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có liền kề theo quy định.

Chương IV

ĐIỀU KIỆN, TIÊU CHUẨN, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN VÀ CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI TRƯỞNG THÔN, TỔ TRƯỞNG TỔ DÂN PHỐ VÀ PHÓ TRƯỞNG THÔN, PHÓ TỔ TRƯỞNG TỔ DÂN PHỐ

Điều 12. Điều kiện, tiêu chuẩn của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố và Phó trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố

Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố và Phó trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố phải có đủ điều kiện, tiêu chuẩn sau:

1. Có hộ khẩu thường trú và cư trú thường xuyên ở thôn, tổ dân phố.
2. Đủ 21 tuổi trở lên, có sức khỏe tốt, nhiệt tình và có tinh thần trách nhiệm trong công tác.
3. Có phẩm chất chính trị và phẩm chất đạo đức tốt, được nhân dân trong cộng đồng dân cư tín nhiệm.
4. Bản thân và gia đình gương mẫu thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các quy định của địa phương.
5. Có trình độ văn hóa tối thiểu tốt nghiệp Trung học cơ sở trở lên, có năng lực, kinh nghiệm làm việc và phương pháp vận động, tổ chức nhân dân thực hiện tốt các công việc tự quản của cộng đồng dân cư và công việc được cấp trên giao. Ưu tiên những người có uy tín, có trình độ chuyên môn được đào tạo từ đại học trở lên.

Điều 13. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng thôn và Tổ trưởng tổ dân phố

1. Nhiệm vụ

a) Triệu tập và chủ trì hội nghị thôn, tổ dân phố; tổ chức thực hiện những công việc thuộc phạm vi thôn, tổ dân phố đã được nhân dân bàn và quyết định; bảo đảm các nội dung hoạt động của thôn, tổ dân phố theo quy định tại Điều 5 của Quy chế này.

b) Vận động, tổ chức nhân dân thực hiện tốt dân chủ ở cơ sở và hương ước, quy ước của thôn, tổ dân phố đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

c) Tập hợp, phản ánh, đề nghị chính quyền cấp xã giải quyết những kiến nghị, nguyện vọng chính đáng của nhân dân trong thôn, tổ dân phố. Báo cáo kịp thời với Ủy ban nhân dân cấp xã về những hành vi vi phạm pháp luật trong thôn, tổ dân phố.

d) Thực hiện việc lập biên bản về kết quả đã được nhân dân thôn, tổ dân phố bàn và quyết định trực tiếp những công việc của thôn, tổ dân phố; lập biên bản về kết quả đã được nhân dân thôn, tổ dân phố bàn và biểu quyết những công việc thuộc phạm vi cấp xã; báo cáo kết quả cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

đ) Phối hợp với Ban công tác Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội ở thôn, tổ dân phố để vận động nhân dân tham gia thực hiện các phong trào và cuộc vận động do các tổ chức này phát động.

e) Sáu tháng đầu năm và cuối năm phải báo cáo kết quả công tác trước hội nghị thôn, tổ dân phố. Thực hiện các nhiệm vụ do cấp trên giao và nhiệm vụ khác tại cộng đồng dân cư theo quy định của pháp luật.

2. Quyền hạn

a) Được ký hợp đồng về xây dựng công trình do nhân dân trong thôn, tổ dân phố đóng góp kinh phí đầu tư đã được hội nghị thôn, tổ dân phố thông qua và bảo đảm các quy định liên quan của chính quyền các cấp.

b) Được phân công nhiệm vụ giải quyết công việc cho Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố; được chính quyền cấp xã mời họp và cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến quản lý, hoạt động của thôn, tổ dân phố; được bồi dưỡng, tập huấn về công tác tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố.

Điều 14. Nhiệm vụ, quyền hạn của Phó Trưởng thôn và Phó Tổ trưởng tổ dân phố

1. Giúp việc cho Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thực hiện tốt nhiệm vụ được quy định tại khoản 1 Điều 13 của Quy chế này.

2. Trực tiếp đảm nhiệm một số nhiệm vụ như công tác an ninh - trật tự, an toàn xã hội, công tác văn hoá - xã hội, công tác chỉ đạo sản xuất theo sự phân công của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố.

3. Thay mặt Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố điều hành các hoạt động của thôn, tổ dân phố khi Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố đi vắng, ốm đau hoặc khi được Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố uỷ nhiệm.

Điều 15. Chế độ chính sách đối với Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố và Phó trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố

1. Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố và Phó trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật.

2. Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố và Phó trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố được đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn những kiến thức, kỹ năng cần thiết để thực hiện nhiệm vụ theo quy định của pháp luật. Nếu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ thì được biểu dương, khen thưởng; không hoàn thành nhiệm vụ, có vi phạm, khuyết điểm, không được nhân dân tín nhiệm thì tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc truy cứu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

Chương V

QUY TRÌNH BẦU, MIỄN NHIỆM, BÃI NHIỆM TRƯỞNG THÔN, TỔ TRƯỞNG TỔ DÂN PHỐ VÀ PHÓ TRƯỞNG THÔN, PHÓ TỔ TRƯỞNG TỔ DÂN PHỐ

Điều 16. Quy trình bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố

Quy trình bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thực hiện theo quy định tại Điều 6, Điều 8 Hướng dẫn kèm theo Nghị quyết liên tịch số 09/2008/NQLT-CP-UBTWMTTQVN ngày 17 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ và Ủy ban Trung

ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Tuỳ theo điều kiện của từng địa phương mà việc bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố có thể tổ chức kết hợp tại hội nghị thôn, tổ dân phố hoặc tổ chức thành cuộc bầu cử riêng.

1. Việc bầu cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố tại Hội nghị thôn, tổ dân phố được thực hiện như sau: Trên cơ sở thống nhất với Chi ủy Chi bộ, Ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố đề cử danh sách đề Hội nghị của thôn, tổ dân phố bầu Trưởng thôn mới, Tổ trưởng tổ dân phố mới; tại hội nghị này, cử tri tại thôn, tổ dân phố có thể tự ứng cử hoặc giới thiệu người ứng cử. Sau khi chốt danh sách người ứng cử, Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố đương nhiệm giới thiệu thành viên Tổ bầu cử đề Hội nghị thôn, tổ dân phố quyết định (bằng hình thức giơ tay biểu quyết). Việc bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố mới tại Hội nghị thôn, tổ dân phố có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bằng hình thức bỏ phiếu kín do hội nghị quyết định. Nếu bằng hình thức giơ tay, Tổ bầu cử trực tiếp đếm số biểu quyết; nếu bằng hình thức bỏ phiếu kín, Tổ bầu cử làm nhiệm vụ kiểm phiếu. Kết quả bầu cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố được công bố công khai tại hội nghị và ghi vào Biên bản Hội nghị thôn, tổ dân phố. Căn cứ kết quả bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố tại Biên bản Hội nghị thôn, tổ dân phố, Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định công nhận Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố.

2. Trường hợp tổ chức thành cuộc bầu cử riêng, quy trình, thủ tục của cuộc bầu cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố được tiến hành như sau

a) Công tác chuẩn bị được tiến hành theo quy định tại Điều 6 Hướng dẫn kèm theo Nghị quyết liên tịch số 09/2008/NQLT-CP-UBTWMTTQVN ngày 17 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ và Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Thời gian lập, niêm yết danh sách cử tri chậm nhất là 05 ngày trước ngày bầu cử; việc chốt danh sách cử tri được thực hiện trước thời điểm khai mạc cuộc bầu cử là 01 ngày. Trong thời gian trước giờ bầu cử hoặc trong thời gian bầu cử, cử tri ở thôn, tổ dân phố mà chưa có tên trong danh sách cử tri, nếu có mặt tại địa phương thì được bổ sung vào danh sách để thực hiện quyền bầu cử. Cử tri thực hiện quyền bầu cử phải là người cư trú tại thôn, tổ dân phố đó và đủ 18 tuổi trở lên tính đến ngày bầu cử, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự theo quy định.

Trước ngày bầu cử 01 ngày, Tổ bầu cử phải chuẩn bị đầy đủ các điều kiện về địa điểm bầu cử, công tác khánh tiết, hòm phiếu, phiếu bầu... (phiếu bầu được viết rõ hoặc in rõ họ và tên những người ứng cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố để tạo điều kiện cho cử tri lựa chọn người tín nhiệm và thuận lợi cho việc kiểm phiếu; phiếu bầu có đóng dấu của Ủy ban nhân dân cấp xã ở phía trên, bên trái tờ phiếu).

Thành viên Tổ bầu cử là những người không có tên trong danh sách những người ứng cử để bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố.

b) Quy trình ngày bầu cử gồm các công việc:

Chào cờ, tuyên bố lý do khai mạc cuộc bầu cử.

Tổ trưởng tổ bầu cử đọc quyết định công bố ngày tổ chức bầu cử; quyết định thành lập Tổ bầu cử và nhiệm vụ, quyền hạn của Tổ bầu cử; quyết định thành phần cử tri tham gia bầu cử; tiêu chuẩn của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố; danh sách người ứng cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố; hướng dẫn cử tri cách viết phiếu bầu cử.

Trước khi tiến hành bỏ phiếu, Tổ bầu cử mời 02 cử tri là người không có tên trong danh sách ứng cử lên kiểm tra hòm phiếu trước sự chứng kiến của cử tri tham dự khai mạc và tiến hành việc bỏ phiếu.

Kết thúc cuộc bỏ phiếu, Tổ bầu cử mời 02 cử tri không phải là người ứng cử có mặt chứng kiến và tiến hành việc kiểm phiếu. Trước khi mở hòm phiếu, Tổ bầu cử phải thống kê, lập biên bản niêm phong số phiếu bầu không sử dụng đến.

Sau khi kiểm phiếu xong, Tổ bầu cử lập biên bản kiểm phiếu. Biên bản kiểm phiếu phải ghi rõ: Tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình của thôn, tổ dân phố; số cử tri tham gia bầu cử; số phiếu phát ra, số phiếu thu vào; số phiếu hợp lệ, số phiếu không hợp lệ; số phiếu và tỷ lệ phiếu bầu cho mỗi người ứng cử so với tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong toàn thôn, tổ dân phố. Biên bản kiểm phiếu được lập thành 03 bản có chữ ký của Tổ trưởng, thư ký, các thành viên tổ bầu cử và 02 cử tri chứng kiến việc kiểm phiếu.

Những phiếu bầu không hợp lệ là phiếu không theo mẫu của Tổ bầu cử phát ra; phiếu không có dấu của Ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định; phiếu để số người được bầu từ 02 người trở lên; phiếu gạch xóa hết tên những người ứng cử; phiếu ghi tên người ngoài danh sách những người ứng cử hoặc phiếu có viết thêm.

Tổ trưởng Tổ bầu cử công bố kết quả bầu cử cho từng người ứng cử và người trúng cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố. Người trúng cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố là người đạt trên 50% số phiếu bầu hợp lệ so với tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong toàn thôn, tổ dân phố và có số phiếu cao nhất. Kết quả bầu cử chỉ có giá trị khi có ít nhất trên 50% số cử tri trong danh sách tham gia bỏ phiếu.

Tổ trưởng Tổ bầu cử lập báo cáo kết quả bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố kèm theo Biên bản kiểm phiếu và gửi ngay đến Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã. Căn cứ kết quả bầu cử, Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định công nhận Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố.

Trường hợp số cử tri tham gia bỏ phiếu từ 50% trở xuống so với số cử tri trong danh sách tham gia bỏ phiếu; kết quả bầu không có người nào đạt trên 50% số phiếu bầu hợp lệ so với tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong toàn thôn, tổ dân phố hoặc vi phạm các quy định về bầu cử thì phải tiến hành bầu cử lại. Ngày bầu cử lại do Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định, nhưng chậm nhất không quá 15 ngày, kể từ ngày tổ chức bầu cử lần đầu.

Nếu tổ chức bầu cử lần thứ hai mà vẫn không bầu được Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thì chậm nhất 05 ngày kể từ ngày bầu cử lần thứ hai, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân

phổ lâm thời để điều hành hoạt động của thôn, tổ dân phố cho đến khi bầu được Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố mới.

3. Trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố lâm thời, Ủy ban nhân dân cấp xã phải tổ chức bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố mới. Quy trình bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố mới thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều này.

Điều 17. Quy trình miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố và Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố

1. Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố có thể được miễn nhiệm do sức khỏe, do hoàn cảnh gia đình hoặc vì lý do khác. Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố khi không còn được nhân dân tín nhiệm, không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm quyền làm chủ của nhân dân, tham nhũng, lãng phí, không phục tùng sự chỉ đạo điều hành của Ủy ban nhân dân cấp xã, vi phạm pháp luật và các quy định của cấp trên thì có thể bị cử tri bãi nhiệm theo đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc của Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp hoặc có ít nhất một phần ba tổng số cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố kiến nghị.

Quy trình miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thực hiện theo quy định tại Điều 10, Điều 11 Hướng dẫn kèm theo Nghị quyết liên tịch số 09/2008/NQLT-CP-UBTWMTTQVN ngày 17 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ và Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

2. Quy trình miễn nhiệm, bãi nhiệm Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố thực hiện như đối với việc miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố.

Điều 18. Kinh phí tổ chức bầu cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố và Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố

Kinh phí tổ chức bầu cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố và Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố do ngân sách cấp xã đảm bảo.

Điều 19. Nhiệm kỳ của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố và Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố

1. Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố có nhiệm kỳ là 2,5 năm (hai năm rưỡi). Thời điểm tổ chức bầu cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố nhiệm kỳ mới 2019 - 2022 trên địa bàn tỉnh thực hiện hoàn thành trong quý IV năm 2019, nhiệm kỳ tiếp theo thống nhất tính từ ngày 01 tháng 7 năm 2022.

Đối với những đơn vị đã tiến hành việc bầu cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố sau khi bố trí, sắp xếp, tinh giản đối với người hoạt động không chuyên trách trên địa bàn tỉnh theo Nghị quyết số 41/2018/NQ-HĐND ngày 12/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh thì tiếp tục việc thực hiện nhiệm vụ của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố theo quy định đến hết nhiệm kỳ 2019 - 2022.

Trường hợp do thành lập thôn mới, tổ dân phố mới hoặc khuyết Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố lâm thời để điều hành hoạt động của thôn, tổ dân phố cho đến khi bầu được Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố trong thời hạn không quá 06 tháng kể từ ngày có quyết định cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố lâm thời.

2. Ở những nơi bố trí Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố thì nhiệm kỳ của Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố, thực hiện theo nhiệm kỳ của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố.

Sau khi giới thiệu, thống nhất với Trưởng Ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố, Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố lựa chọn, trình Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định công nhận Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố.

Chương VI

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 20. Trách nhiệm thi hành

1. Sở Nội vụ

a) Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các quy định tại Quy chế này trên địa bàn các huyện, thành phố đảm bảo đúng quy định tại Thông tư số 14/2018/TT-BNV ngày 03/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

b) Thẩm định hồ sơ về việc thành lập thôn mới, tổ dân phố mới; việc sắp xếp, sáp nhập thôn, tổ dân phố; việc đổi tên, đặt tên, chuyển thôn thành tổ dân phố hoặc việc giải thể, xóa tên thôn, tổ dân phố theo đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp huyện để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh. Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh hoàn chỉnh hồ sơ, thủ tục pháp lý trình Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

c) Nghiên cứu, đề xuất chế độ phụ cấp đối với Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố và Phó trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố theo quy định của pháp luật.

d) Tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Nội vụ về kết quả thực hiện Thông tư số 14/2018/TT-BNV ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ và Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh, tính đến thời điểm ngày 31 tháng 12 hằng năm.

2. Các sở, ban, ngành và cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ phối hợp với Sở Nội vụ và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố hướng dẫn, tổ chức thực hiện Quy chế này.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Trình Ủy ban nhân dân tỉnh xin ý kiến, chủ trương về việc thành lập thôn mới, tổ dân phố mới; việc sắp xếp, sáp nhập thôn, tổ dân phố; việc đổi tên, đặt tên, chuyển thôn thành tổ dân phố hoặc việc giải thể, xóa tên thôn, tổ dân phố trên địa bàn.

b) Tổ chức thẩm định hồ sơ thành lập thôn mới, tổ dân phố mới; hồ sơ sắp xếp, sáp nhập thôn, tổ dân phố; hồ sơ đổi tên, đặt tên, chuyển thôn thành tổ dân phố hoặc giải thể, xóa tên thôn, tổ dân phố theo đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp xã. Hoàn chỉnh hồ sơ, thủ tục pháp lý trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

c) Tổng hợp kết quả thực hiện Thông tư số 14/2018/TT-BNV ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ và Quy chế này tại địa phương, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ tổng hợp), thời điểm báo cáo định kỳ tính đến ngày 15 tháng 12 hằng năm.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện Thông tư số 14/2018/TT-BNV ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ, quy định tại Quy chế này và các quy định khác có liên quan về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố.

b) Quyết định ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có liền kề sau khi đã được Ủy ban nhân dân cấp huyện thông qua.

5. Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Đề nghị cơ quan có thẩm quyền việc thành lập mới, việc sắp xếp, sáp nhập thôn, tổ dân phố; việc đổi tên, đặt tên, chuyển thôn thành tổ dân phố; việc giải thể, xóa tên thôn, tổ dân phố hoặc việc ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có liền kề. Đặc biệt chú trọng việc xác định những thôn, tổ dân phố không đảm bảo điều kiện quy định hoặc những thôn, tổ dân phố có điều kiện thuận lợi để đề nghị sáp nhập; chỉ đạo tuyên truyền, vận động nhân dân đồng tình trong việc sáp nhập thôn, tổ dân phố.

b) Xây dựng đề án về việc thành lập thôn mới, tổ dân phố mới; việc sắp xếp, sáp nhập thôn, tổ dân phố; việc đổi tên, đặt tên, chuyển thôn thành tổ dân phố; việc giải thể, xóa tên thôn, tổ dân phố hoặc việc ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có liền kề trên địa bàn.

c) Tổ chức hội nghị lấy ý kiến của toàn thể cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình tại các thôn, tổ dân phố liên quan về nội dung đề án. Lập biên bản, tổng hợp ý kiến cử tri, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp. Hoàn chỉnh hồ sơ và thủ tục pháp lý trình Ủy ban nhân dân cấp huyện. Tổ chức thực hiện quyết định của cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

d) Quyết định công nhận Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố theo kết quả bầu cử của thôn, tổ dân phố; Quyết định công nhận Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố theo đề nghị của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố.

đ) Bố trí ngân sách cấp xã để đảm bảo tổ chức bầu cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố và miễn nhiệm, bãi nhiệm Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố theo quy định.

e) Tổng hợp kết quả thực hiện Thông tư số 14/2018/TT-BNV ngày 03/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ và những quy định của Quy chế này tại địa

phương để báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện (qua Phòng Nội vụ cấp huyện tổng hợp), thời điểm báo cáo định kỳ tính đến ngày 30 tháng 11 hằng năm.

6. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Chỉ đạo và tổ chức thực hiện Quy chế này trên địa bàn được giao phụ trách.

b) Quản lý, chỉ đạo hoạt động của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố và Phó trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố trên địa bàn bảo đảm theo đúng quy định tại Thông tư số 14/2018/TT-BNV ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ và những quy định tại Quy chế này.

Điều 21. Khen thưởng, kỷ luật

Các tổ chức, cá nhân có thành tích tốt thực hiện nhiệm vụ trong hoạt động của thôn, tổ dân phố thì được các cấp có thẩm quyền xem xét, khen thưởng theo đúng quy định của Luật thi đua khen thưởng.

Các tổ chức, cá nhân có hành vi làm sai lệch hồ sơ, tài liệu trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, không hoàn thành nhiệm vụ hoặc vi phạm các quy định tại Quy chế này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, bị xử lý theo pháp luật hiện hành.

Điều 22. Sửa đổi, bổ sung quy định

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc hoặc có quy định chưa phù hợp, các Sở, ban, ngành và cơ quan đơn vị liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố có trách nhiệm phản ánh về Sở Nội vụ để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung phù hợp theo quy định của pháp luật./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Tổng Quang Thìn